

Bản án số: 09/2024/KDTM-ST.

Ngày: 05 - 07 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chung Kim Sang

2. Ông Nguyễn Quốc Hoàng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố G.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 24/2024/TLST-KDTM ngày 23 tháng 04 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 06 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 06 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

Trụ sở: Số 130 đường L, Phường 3, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Trương Ngọc H, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Phú Quốc.

Địa chỉ: Số 159 đường T1, khu phố 5, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

(theo văn bản ủy quyền số 163/QĐ-DAB-HĐQT-PC ngày 08/08/2022)

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn H1, chức vụ: Trưởng phòng phát triển kinh doanh. (theo văn bản ủy quyền số 24/QĐ-PQC ngày 01/03/2024).
(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Đặng Thanh N1, sinh năm 1989 là đại diện hộ kinh doanh Minh Thu 789 (Vắng mặt)

Chị Phan Thị Minh T2, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: P20-34 đường số 10 (Nay là đường T), khu đô thị Phú Cường, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/03/2024 và bản tự khai của Ngân hàng TMCP Đông A; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H1 trình bày:*

Ngân hàng thương mại cổ phần A (Ngân hàng TMA) đã ký với anh Đặng Thanh N1 và chị Phan Thị Minh T2 Hợp đồng tín dụng hạn mức số K.0130/HM23 ngày 26/06/2023 và Hợp đồng tín dụng cụ thể kèm giấy nhận nợ số 001K.0130/HM23 ngày 27/06/2023 cho anh Đặng Thanh Nhứt và chị Phan Thị Minh T2 vay số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng); Mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh bia, gạo các loại; Thời hạn vay: 05 tháng, duy trì hạn mức là 12 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,5%/năm. Hoàn trả khoản tín dụng gốc vào cuối kỳ; tiền lãi trả vào ngày 25 hàng tháng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất tại khu phố 1, phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang được Sở Tài nguyên môi trường cấp số DD 658232 ngày 24/08/2022 có diện tích 330,4, thửa số 2734, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng cây lâu năm, theo hợp đồng thế chấp số K.0060/TC23 ngày 26/06/2023 có công chứng ngày và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình vay vốn anh N1 chị T2 đã trả lãi được 01 kỳ với số tiền 4.372.603 đồng đến nay không thanh toán nữa nên vi phạm thời hạn trả nợ, đến ngày 28/11/2023 Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn.

Tính đến 05/07/2024 thì anh N1, chị T2 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 671.289.042 đồng (Sáu trăm bảy mươi một triệu hai trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó: tiền gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn 19.520.549 đồng và tiền lãi quá hạn 51.768.493 đồng).

Nay Ngân hàng TMCP A yêu cầu anh N1, chị T2 thanh toán số tiền vay còn nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/07/2024 là 671.289.042 đồng (Sáu trăm bảy mươi một triệu hai trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi hai đồng).

Trường hợp anh N1, chị T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Nếu tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông N1, bà T2 có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện trả nợ cho Ngân hàng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đặng Thanh N1, chị Phan Thị Minh T2 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định

nhưng anh N1, chị T2 vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Riêng bị đơn anh Đặng Thanh N1, chị Phan Thị Minh T2 vắng mặt không thực hiện đúng Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với bị đơn anh Đặng Thanh N1, chị Phan Thị Minh T2. Buộc anh Đặng Thanh N1 – đại diện hồ kinh doanh Minh Thu 789 và chị Phan Thị Minh T2 trả cho Ngân hàng Đông Á số tiền còn nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/07/2024 là 671.289.042 đồng (*Sáu trăm bảy mươi một triệu hai trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi hai đồng*). Trong đó: tiền gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn 19.520.549 đồng và tiền lãi quá hạn 51.768.493 đồng) và lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 06/07/2024 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

Trường hợp bị đơn anh Đặng Thanh N1, chị Phan Thị Minh T2 không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Nếu tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nhứt, bà Thu có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện trả nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đặng Thanh N1, chị Phan Thị Minh T2 không có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP A tại Tòa án. Mặc dù, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh N1, chị T2 cố tình vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H1 yêu cầu xét xử theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh N1, chị T2 theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP A và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại – tín dụng giữa tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, các đương sự có thỏa thuận chọn Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn giải quyết tranh chấp và Ngân hàng TMCP A yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi bị đơn cư trú để giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách đương sự: Do anh Đặng Thanh N1 và chị Phan Thị Minh T2 vay tiền nhằm mục đích Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh bia, gạo các loại theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 5618004398 ngày 27/06/2022 do anh Đặng Thanh N1 - đại diện hộ kinh doanh Minh thư 789 và chị Phan Thị Minh T2 là vợ anh N1 và có ký các hợp đồng vay cũng như hợp đồng thế chấp. Do đó, anh Đặng Thanh N1- đại diện hộ kinh doanh Minh Thư 789 và chị Phan Thị Minh T2 tham gia với tư cách là bị đơn trong vụ án.

[4] Về nội dung vụ án: Anh Đặng Thanh N1, chị Phan Thị Minh T2 có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số K.0130/HM23 ngày 26/06/2023 và Hợp đồng tín dụng cụ thể kèm giấy nhận nợ số 001K.0130/HM23 ngày 27/06/2023 vay của Ngân hàng A số tiền gốc 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*); Mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh bia, gạo các loại; Thời hạn vay: 05 tháng duy trì hạn mức là 12 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,5%/năm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh N1, chị T2 đã vi phạm kỳ hạn trả nợ gốc và lãi. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay ngày 05/07/2024 anh N1, chị T2 còn nợ tổng số tiền gốc và lãi là 671.289.042 đồng (*Sáu trăm bảy mươi một triệu hai trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi hai đồng*). Trong đó: tiền gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn 19.520.549 đồng và tiền lãi quá hạn 51.768.493 đồng) và yêu cầu tính lãi suất phát sinh tiếp theo từ ngày 06/07/2024 theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn nợ.

[4] Xét giao dịch dân sự giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP A với bị đơn anh N1, chị T2 đối với hợp đồng tín dụng hạn mức số K.0130/HM23 ngày 26/06/2023 và Hợp đồng tín dụng cụ thể kèm giấy nợ số 001K.0130/HM23 ngày 27/06/2023 được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của các bên, không bị lừa dối hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội; Do đó, Hội đồng xét xử nhận định giao dịch dân sự nêu trên là hợp pháp.

Xét thấy, các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, anh N1, chị T2 đã được nhận đủ tiền vay theo hợp đồng nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn anh N1, chị T2 không thanh toán khi đến kỳ hạn trả gốc, lãi là vi phạm nghĩa vụ của bên vay.

Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn anh N1, chị T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa án. Tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó" nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh N1, chị T2 vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đại diện nguyên đơn cho thấy, việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Đông Á với bị đơn anh N1, chị T2 là hoàn toàn có thật và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo thỏa thuận. Do đó, đối chiếu quy định tại các Điều 463, 465, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử xét thấy, khi vay vốn, để đảm bảo cho khoản tiền vay, bị đơn ông Nhứt, bà Thư đã tự nguyện ký kết Hợp đồng thế chấp số K.0060/TC23 ngày 26/06/2023, tài sản là 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại khu phố 1, phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp số DD 658232 ngày 24/08/2022 có diện tích 330,4m², thửa số 2734, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng cây lâu năm, do ông Đặng Thanh N1 đứng tên. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã tuân thủ thực hiện đăng ký giao dịch đảm bảo đúng theo quy định; nội dung hợp đồng là tự nguyện và không trái đạo đức xã hội, theo đó các bên thỏa thuận trong trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ trả tiền thì bên cho vay có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ và các khoản thu phí có liên quan. Đối chiếu quy định tại các Điều 298 và 299 Bộ luật Dân sự 2015 thì yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên, trong nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A. Buộc bị đơn anh N1, chị T2 thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/07/2024 tổng cộng là 671.289.042 đồng (*Sáu trăm bảy mươi một triệu hai trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi hai đồng*). Trong đó: tiền gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn 19.520.549 đồng và tiền lãi quá hạn 51.768.493 đồng) và tính lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 06/07/2024 theo thỏa thuận hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn nợ. Nếu anh N1, chị T2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26; điểm d mục 1.4 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh N1, chị T2 phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả là 671.289.042 đồng, cụ thể: $[20.000.000 \text{ đồng} + (271.289.042 \times 4\%)] = 30.851.561 \text{ đồng}$ (*Ba mươi triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm sáu mươi một đồng*);

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 298; Điều 299; Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP a về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn anh Đặng Thanh N1 – đại diện hộ kinh doanh Minh Thư 789 và chị Phan Thị Minh T2.

Buộc anh Đặng Thanh N1 và chị Phan Thị Minh T2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/07/2024 là 671.289.042 đồng (*Sáu trăm bảy mươi một triệu hai trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi hai đồng*). Trong đó: tiền gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn 19.520.549 đồng và tiền lãi quá hạn 51.768.493 đồng.

Kể từ ngày 06/07/2024 anh Đặng Thanh N1 và chị Phan Thị Minh T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu phía anh Đặng Thanh N1 và chị Phan Thị Minh T2 không thanh toán tiền hoặc thanh toán không đầy đủ, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự

thành phố G, tỉnh Kiên Giang thực hiện việc xử lý tài sản bảo đảm là: 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại khu phố 1, phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp số DD 658232 ngày 24/08/2022 có diện tích 330,4m², thửa số 2734, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng cây lâu năm, do anh Đặng Thanh N1 đứng tên để thu hồi nợ. Nếu tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh N1, chị T2 có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện trả nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn anh Đặng Thanh N1 và chị Phan Thị Minh T2 phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 30.851.561 đồng (*Ba mươi triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm sáu mươi một đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.835.000 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0004434 ngày 04/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thùy Linh